

# **Công ty Cổ phần Vinhomes**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Quý I năm 2022

# Công ty Cổ phần Vinhomes

## THÔNG TIN CHUNG

### MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7-8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 50

# Công ty Cổ phần Vinhomes

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinhomes (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022741, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 3 năm 2008 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102671977 vào ngày 5 tháng 8 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 34, được cấp ngày 11 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là phát triển và kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản và các dịch vụ liên quan, cung cấp dịch vụ tổng thầu xây dựng, dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát và quản lý xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP là công ty mẹ của Công ty. Tập đoàn Vingroup – Công ty CP và các công ty con được gọi chung sau đây là Tập đoàn.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Diệu Linh	Chủ tịch
Ông Phạm Nhật Vượng	Thành viên
Bà Cao Thị Hà An	Thành viên
Ông Phạm Thiều Hoa	Thành viên
Ông Ashish Jaiprakash Shastry	Thành viên
Ông Trần Kiên Cường	Thành viên
Ông Varun Kapur	Thành viên độc lập
Ông Mueen Uddeen	Thành viên độc lập
Ông Hoàng D. Quan	Thành viên độc lập

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Lê Văn Quỳnh	Trưởng Ban
Bà Lê Thị Duyên	Thành viên
Bà Phạm Ngọc Lan	Thành viên

# Công ty Cổ phần Vinhomes

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Thiếu Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Douglas John Farrell	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Tín	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Diệu Linh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Thiếu Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Tín	Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinhomes ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.



**CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 28 tháng 04 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:

  
  
Phạm Thị Hoa  
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>72.162.252</b>	<b>73.284.016</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>3.661.512</b>	<b>1.039.485</b>
111	1. Tiền		1.516.741	99.092
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.144.771	940.393
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>55.920</b>	<b>56.143</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	55.920	56.143
<b>130</b>	<b>IV. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>54.198.192</b>	<b>59.453.845</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	15.634.870	21.206.512
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	3.576.857	2.666.842
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	14.490.086	8.670.586
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	20.586.566	27.000.092
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(90.187)	(90.187)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>5.805.710</b>	<b>6.600.198</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.823.002	6.617.490
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.292)	(17.292)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.440.918</b>	<b>6.134.345</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	127.500	156.293
152	2. Các khoản phải thu nhà nước		115.481	66.576
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	11	8.197.937	5.911.476

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>47.689.457</b>	<b>41.546.480</b>
<b>210</b>	<b><i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i></b>		<b>15.312</b>	<b>5.488.189</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	5.428.163
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	15.312	60.026
<b>220</b>	<b><i>II. Tài sản cố định</i></b>		<b>1.680.347</b>	<b>1.699.575</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.642.290	1.656.673
222	Nguyên giá		1.852.657	1.849.099
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(210.367)	(192.426)
227	2. Tài sản cố định vô hình		38.057	42.902
228	Nguyên giá		142.234	141.057
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(104.177)	(98.155)
<b>230</b>	<b><i>III. Bất động sản đầu tư</i></b>	<b>13</b>	<b>5.288.488</b>	<b>3.500.798</b>
231	1. Nguyên giá		6.094.205	4.268.311
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(805.717)	(767.513)
<b>240</b>	<b><i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i></b>		<b>1.158.608</b>	<b>1.046.137</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	1.158.608	1.046.137
<b>250</b>	<b><i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i></b>	<b>15</b>	<b>33.299.184</b>	<b>28.211.620</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	30.865.595	26.688.457
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		56.073	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	2.574.820	1.720.425
254	3. Dự phòng các khoản đầu tư	15	(197.304)	(197.262)
<b>260</b>	<b><i>VI. Tài sản dài hạn khác</i></b>		<b>6.247.518</b>	<b>1.600.161</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	39.189	41.220
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		258.006	257.861
268	3. Tài sản dài hạn khác	11	5.950.323	1.301.080
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>119.851.709</b>	<b>114.830.496</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>56.564.623</b>	<b>52.072.830</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>25.624.800</b>	<b>29.234.303</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	5.124.552	4.375.696
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	919.900	876.627
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	60.367	390.181
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.983.569	2.297.968
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	397.337	462.637
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	15.522.378	19.528.654
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	21	419.330	105.170
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.197.367	1.197.370
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>30.939.823</b>	<b>22.838.527</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.231.744	1.144.289
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	1.022.738	1.006.346
337	3. Phải trả dài hạn khác	20	14.865.210	6.884.320
338	4. Vay và nợ dài hạn	21	13.738.982	13.730.629
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	22	81.149	72.943
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>63.287.086</b>	<b>62.757.666</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>63.287.086</b>	<b>62.757.666</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		43.543.675	43.543.675
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		43.543.675	43.543.675
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		965.023	965.023
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	-
420	4. Quỹ khác thuộc chủ sở hữu		15.000	15.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.763.388	18.233.968
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		18.233.968	6.215.884
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		529.420	12.018.084
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>119.851.709</b>	<b>114.830.496</b>

Phạm Thị Lan  
Người lập

Lê Tiến Công  
Kế toán trưởng



Phan Văn Hòa  
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 04 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2022	Quý I năm 2021
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	3.178.642	4.086.224
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	3.178.642	4.086.224
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(2.497.047)	(3.143.225)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		681.595	942.999
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	811.943	427.911
22	7. Chi phí tài chính	28	(357.281)	(835.049)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu		(357.239)	(835.049)
25	8. Chi phí bán hàng	29	(12.941)	(49.916)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(511.843)	(122.960)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		611.473	362.985
31	11. Thu nhập khác		39.652	9.528
32	12. Chi phí khác		(10.404)	(11.984)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		29.248	(2.456)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		640.721	360.529
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(111.447)	(77.380)
52	16. Thu nhập/ (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	30	146	(5.117)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		529.420	278.032

Phạm Thị Lan  
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 01 năm 2022

Lê Tiến Công  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hoa  
Tổng Giám Đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022


Đơn vị tính: triệu VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		640.721	360.529
	<i>Điều chỉnh kế toán cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		99.316	112.059
03	Các khoản dự phòng		8.244	458
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(842.586)	(427.708)
06	Chi phí lãi vay		357.239	835.050
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		262.934	880.388
09	Giảm các khoản phải thu		3.608.787	1.818.197
10	Giảm hàng tồn kho		787.604	263.136
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.659.909	(1.528.779)
12	Tăng chi phí trả trước		30.836	16.035
14	Tiền lãi vay đã trả		(221.943)	(446.208)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(437.621)	(246.612)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		7.690.506	756.157
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.326.662)	(440.419)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	562
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.386.810)	(64.871)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		13.995.686	129.051
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(9.910.943)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		6.122.000	11.461.617
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		99.501	250
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(5.407.219)	11.086.190

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	<b>IV. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		443.910	3.080.856
34	Tiền trả nợ gốc vay		(105.170)	(13.833.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		<b>338.740</b>	<b>(10.752.144)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.622.027	1.090.203
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.039.485	607.620
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	3.661.512	1.697.823

  
Phạm Thị Lan  
Người lập

  
Lê Tiên Công  
Kế toán trưởng

  
  
Phạm Thị Hoa  
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 01 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vinhomes (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022741, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 3 năm 2008, và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102671977 vào ngày 5 tháng 8 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 34, được cấp ngày 11 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là phát triển và kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản và các dịch vụ liên quan, cung cấp dịch vụ tổng thầu xây dựng, dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát và quản lý xây dựng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP là công ty mẹ của Công ty. Tập đoàn Vingroup – Công ty CP và các công ty con sau đây được gọi chung là Tập đoàn.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty và các công ty con bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty và các công ty con là trong vòng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty và các công ty con thông thường là trong vòng 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 7.319 (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6.896).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Công ty có 32 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 32 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty và gián tiếp qua công ty con trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính
1	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm ("Công ty Đô thị Gia Lâm") (i)	99,39	99,00	Tầng 2 Trung tâm thương mại Vincom Mega Mall Ocean Park tại Lô đất CCTP-10 thuộc Dự án KĐT Gia Lâm, Thị trấn Trâu Quỳ và các Xã Dương Xá, Kiều Ky, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái ("Công ty Sinh Thái") (i)	100,00	99,61	Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Đầu tư Việt Nam ("Công ty Đầu tư Việt Nam") (i)	70,00	69,73	Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ ("Công ty Cần Giờ")	99,89	99,73	Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
5	Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long ("Công ty Tây Tăng Long")	100,00	90,00	Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
6	Công ty TNHH Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam ("Công ty ĐTDH Berjaya") (i)	97,90	97,64	Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia ("Công ty Hoàng Gia") (i)	97,85	97,85	Số 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Làng Vân ("Công ty Làng Vân") (i)	100,00	99,84	Số 7, Đường Trường Sa, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
9	Công ty TNHH Metropolis Hà Nội ("Công ty Metropolis Hà Nội")	100,00	100,00	Lô đất HH, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
10	Công ty TNHH Trung tâm Tài chính Việt Nam Berjaya ("Công ty TTTC Berjaya") (i)	67,50	67,32	Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn ("Công ty Thái Sơn") (i)	100,00	99,73	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
12	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển Thiên Niên Kỳ ("Công ty Thiên Niên Kỳ")	100,00	100,00	Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>
13	Công ty Cổ phần Phát triển GS Củ Chi ("Công ty GS Củ Chi") (i)	100,00	99,90	Tầng 20A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
14	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Phú Gia ("Công ty Phú Gia") (i) (ii)	98,00	97,62	Số 63 Phố Hàng Gà, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
15	Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh ("Công ty Thành phố Xanh") (i)	80,50	88,81	Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
16	Công ty Cổ phần Delta ("Công ty Delta") (i)	100,00	99,92	Số 110 Đặng Công Bình, ấp 6, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
17	Công ty Cổ phần đầu tư Khu công nghiệp Vinhomes ("Công ty KCN Vinhomes") (i)	100,00	99,99	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
18	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đại An ("Công ty Đại An") (i)	100,00	100,00	Quốc lộ 5A, Thôn Đình Dù, Xã Đình Dù, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
19	Công ty Cổ phần kinh doanh và phát triển Sinh Thái ("Công ty Kinh doanh Sinh Thái") (i) (ii)	100,00	99,98	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
20	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Và Hạ tầng truyền dẫn ViniTIS ("Công ty ViniTIS")	61,00	61,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng ("Công ty Sài Đồng") (i)	100,00	99,98	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
22	Công ty TNHH Phát triển Công viên Trung tâm ("Công ty Công viên Trung tâm") (i)	100,00	99,98	P900 - Tầng 9 - Tòa nhà IPH, 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
23	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Lai ("Công ty Bảo Lai") (i)	96,48	85,80	Số 166, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
24	Công ty TNHH Một thành viên Đá trắng Bảo Lai (i)	100,00	85,80	Thôn Hợp Nhất, Xã Thịnh Hưng, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
25	Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú (i)	100,00	85,80	Thôn Khau Ca, Xã An Phú, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>
26	Công ty Cổ phần Đá cẩm thạch Dốc Thăng (i)	100,00	88,47	Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
27	Công ty Cổ phần Khoáng sản Phan Thanh (i)	100,00	86,10	Thôn Bản Ro, Xã Phan Thanh, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
28	Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Khoáng sản Bảo Lai Lục Yên (i)	100,00	85,80	Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
29	Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Khoa (i)	100,00	86,88	Số 166, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
30	Công ty TNHH Một thành viên Vạn Khoa Lục Yên (i)	100,00	86,88	Thôn Ngòi Kèn, Xã Liễu Đô, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
31	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Sơn Thái	99,99	88,80	Số 65, Đường Hải Phòng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
32	Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Bất động sản SV Tây Hà Nội ("Công ty SV Tây Hà Nội") (i)	100,00	99,87	Tầng 2, Khu Almaz Market, Đường Hoa Lan, KĐT Sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- (i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này gián tiếp thông qua các công ty con khác.
- (ii) Các công ty này đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY****2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng triệu đồng Việt Nam (“triệu VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Năm kế toán năm**

Năm kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu VND”).

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá chín tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

##### *Hàng hoá bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc để cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hoá bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các chi phí phát triển đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của hàng hoá bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành hàng hoá bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ theo các tiêu thức phù hợp.

##### *Hàng hóa xây dựng*

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua dựa trên phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thuê phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây dựng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty tham gia góp vốn vào các thỏa thuận hợp tác đầu tư tài sản là trung tâm thương mại và trường học, trong đó các đối tác doanh nghiệp có toàn quyền vận hành, khai thác và kinh doanh các cấu phần này tại thời điểm tài sản đi vào hoạt động, và Công ty nhận phân chia một phần lợi nhuận. Trong trường hợp này, khoản đầu tư góp vốn của Công ty vào thỏa thuận hợp tác đầu tư sẽ được hạch toán vào chỉ tiêu các khoản phải thu khác trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm Công ty bàn giao tài sản để vận hành và khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản khác	2 - 5 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn và nhà cửa vật kiến trúc	27 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	9 - 10 năm

Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận là bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được ngừng ghi nhận trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí môi giới bán bất động sản, thuê thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho các khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng tại các dự án bất động sản của Công ty và các chi phí trả trước ngắn hạn khác dự kiến mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian một chu năm kinh doanh.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí trả trước tiền thuê và các chi phí trả trước khác mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian trên một năm.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Trong trường hợp nguồn lợi nhuận lũy kế dùng để phân phối không được quy định cụ thể, Công ty ưu tiên sử dụng lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát để phân phối. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho các dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các khoản dự phòng**

*Dự phòng chung*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

*Dự phòng chi phí bảo hành cho bất động sản để bán*

Công ty ước tính chi phí dự phòng bảo hành dựa trên doanh thu và các thông tin hiện có về việc sửa chữa của các bất động sản đã bán trong quá khứ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi có Quyết định của Hội đồng quản trị ( đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua) và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.17 Tiền trả trước từ khách hàng mua bất động sản**

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua bất động sản trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản “Người mua trả tiền trước” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản hỗ trợ theo chương trình bán hàng mang tính chất giảm trừ vào doanh thu được ghi giảm vào chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước” đối với các bất động sản trong tương lai chưa đủ điều kiện ghi nhận là doanh thu trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

##### *Doanh thu cho thuê bất động sản*

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.  
*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận khoản thanh toán cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

##### *Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và phần vốn chuyển nhượng. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

##### *Thu nhập từ hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh trong đó Công ty được chia sẻ lợi nhuận trước thuế hoặc lợi nhuận sau thuế*

Thu nhập được chia từ lợi nhuận trước thuế hoặc từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Trong giao dịch Công ty cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng trong cùng một hợp đồng, Công ty xác định các nghĩa vụ bán sản phẩm và nghĩa vụ cung cấp dịch vụ riêng biệt trong hợp đồng đó và chỉ ghi nhận doanh thu khi từng nghĩa vụ riêng biệt được Công ty hoàn thành với khách hàng. Giá trị hợp đồng được phân bổ cho sản phẩm được xác định bằng tổng giá trị hợp đồng trừ đi giá trị hợp lý ước tính của dịch vụ. Các khoản thanh toán của khách hàng theo hợp đồng tương ứng với nghĩa vụ chưa được thực hiện sẽ được ghi nhận vào chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước" hoặc chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán dựa vào các bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành được xác nhận bởi khách hàng. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

**3.20 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.21 Thông tin theo bộ phận (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Công ty dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

**3.22 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**3.23 Chi phí phát hành trái phiếu**

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	370	152
Tiền gửi ngân hàng	1.516.371	98.940
Các khoản tương đương tiền	2.144.771	940.393
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.661.512</b>	<b>1.039.485</b>

Các khoản tương đương tiền vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng và hưởng lãi suất 3%-4%/năm. (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3%/năm đến 4%/năm).

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	55.920	56.143
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.920</b>	<b>56.143</b>

Các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 có kỳ hạn gốc từ 4 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 6%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,7%/năm đến 6,1%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư	10.500.948	16.622.948
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	1.473.709	1.518.927
Phải thu từ dịch vụ quản lý và tư vấn bán hàng	1.284.853	1.290.372
Phải thu từ cung cấp dịch vụ xây dựng và các dịch vụ liên quan	1.566.496	950.076
Phải thu từ cho thuê và cung cấp dịch vụ liên quan	284.861	292.648
Phải thu từ dịch vụ quản lý bất động sản và các dịch vụ liên quan	127.680	132.181
Phải thu từ các hoạt động khác	396.323	399.360
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.634.870</b>	<b>21.206.512</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	<i>2.714.088</i>	<i>2.363.589</i>
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>12.920.782</i>	<i>18.842.923</i>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.539.787	2.630.266
Trả trước cho các bên liên quan	37.070	36.576
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.576.857</b>	<b>2.666.842</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	14.474.086	8.654.586
Cho vay ngắn hạn các bên khác đến hạn thu hồi	16.000	16.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.490.086</b>	<b>8.670.586</b>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay các bên liên quan	-	5.428.163
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>5.428.163</b>

8. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: triệu VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Đặt cọc, góp vốn cho mục đích hợp tác đầu tư, kinh doanh (i)	13.941.627	16.792.187
Phải thu lợi nhuận được chia	5.599.317	5.303.551
Phải thu từ các khoản thu chi hộ	485.962	410.422
Phải thu lãi cho vay, lãi đặt cọc và lãi tiền gửi	205.552	208.543
Phải thu từ ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	77.180	75.656
Phải thu khác	276.928	4.209.733
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.586.566</b>	<b>27.000.092</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên khác</i>	<i>726.218</i>	<i>775.104</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>19.860.348</i>	<i>26.224.988</i>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu từ lãi cho vay	-	45.153
Đặt cọc thuê mặt bằng	14.563	14.584
Phải thu khác	749	289
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.312</b>	<b>60.026</b>

- (i) Chủ yếu bao gồm các khoản góp vốn và tài sản góp vốn theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh với các công ty trong Tập đoàn cho mục đích đầu tư phát triển một số dự án bất động sản và thương mại dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Bất động sản để bán đang xây dựng (i)	3.413.178	-	3.516.422	-
Bất động sản để bán để xây dựng hoàn thành	316.675	(1.243)	254.155	(1.243)
Bất động sản mua để bán	272.466	(16.049)	239.834	(16.049)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (ii)	635.721	-	1.223.513	-
Hàng tồn kho khác	1.184.962	-	1.383.566	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.823.002</b>	<b>(17.292)</b>	<b>6.617.490</b>	<b>(17.292)</b>

(i) Chủ yếu bao gồm chi phí xây dựng và phát triển các hạng mục căn hộ, biệt thự.

(ii) Bao gồm các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tổng thầu xây dựng cho các chủ đầu tư của các dự án.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí dịch vụ quản lý trái phiếu	83.178	119.065
Chi phí bán hàng liên quan đến các bất động sản chưa bàn giao	11.985	8.367
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	32.337	28.861
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>127.500</b>	<b>156.293</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ, dụng cụ	23.803	26.984
Chi phí sửa chữa lớn	13.609	11.667
Chi phí trả trước tiền thuê biệt thự	1.777	2.569
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.189</b>	<b>41.220</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (i)	7.165.600	4.879.139
Đặt cọc cho mục đích thương mại (ii)	1.032.337	1.032.337
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.197.937</b>	<b>5.911.476</b>
<i>Trong đó:</i>		
Đặt cọc cho các bên khác	4.048.237	1.761.776
Đặt cọc cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.149.700	4.149.700
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (i)	5.950.323	1.301.080
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.950.323</b>	<b>1.301.080</b>
<i>Trong đó:</i>		
Đặt cọc cho các bên khác	299.089	299.089
Đặt cọc cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	5.651.234	1.001.991

(i) Đây là các khoản đặt cọc cho một số công ty trong cùng Tập đoàn để mua cổ phần/phần vốn góp hoặc nhận chuyển nhượng/hợp tác phát triển một số dự án bất động sản.

(ii) Khoản đặt cọc cho một đối tác với lãi suất được xác định theo lãi suất huy động tiết kiệm. Tiền đặt cọc và lãi cọc sẽ được chuyển thành khoản thanh toán tương ứng với 10% giá trị nghiệm thu theo các hợp đồng chi tiết được ký kết và thực hiện giữa Công ty và đối tác này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31/12/2021	1.186.392	612.924	15.016	14.967	19.800	1.849.099
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	135	-	-	-	-	135
Mua trong kỳ	256	1.524	1.643	-	-	3.423
Vào ngày 31/03/2022	<b>1.186.783</b>	<b>614.448</b>	<b>16.659</b>	<b>14.967</b>	<b>19.800</b>	<b>1.852.657</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31/12/2021	85.457	73.169	5.486	14.910	13.404	192.426
Khấu hao trong kỳ	9.050	7.254	902	3	732	17.941
Vào ngày 31/03/2022	<b>94.507</b>	<b>80.423</b>	<b>6.388</b>	<b>14.913</b>	<b>14.136</b>	<b>210.367</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31/12/2021	1.100.935	539.755	9.530	57	6.396	1.656.673
Vào ngày 31/03/2022	<b>1.092.276</b>	<b>534.025</b>	<b>10.271</b>	<b>54</b>	<b>5.664</b>	<b>1.642.290</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Đơn vị tính: triệu VND
			Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31/12/2021	3.540.715	727.596	4.268.311
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	22.658	(15.133)	7.545
Giảm khác	1.818.349	-	1.818.349
Vào ngày 31/03/2022	<b>5.381.722</b>	<b>712.483</b>	<b>6.094.205</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 31/12/2021	529.150	238.363	767.513
Khấu hao trong năm	43.938	(5.734)	38.204
Vào ngày 31/03/2022	<b>573.088</b>	<b>232.629</b>	<b>805.717</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31/12/2021	3.011.565	489.233	3.500.798
Vào ngày 31/03/2022	<b>4.808.634</b>	<b>479.854</b>	<b>5.288.488</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dự án Hưng Yên	869.664	758.844
Các dự án khác	288.944	287.293
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.158.608</b>	<b>1.046.137</b>

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	30.865.595	(197.304)	26.688.457	(197.262)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	56.073	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	2.574.820	-	1.720.425	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.496.488</b>	<b>(197.304)</b>	<b>28.408.882</b>	<b>(197.262)</b>

## Công ty Cổ phần Vinhomes

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư vào các công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con được trình bày ở Thuyết minh số 1.

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (*) (triệu VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (*) (triệu VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp
Công ty KCN Vinhomes	867.000.000	8.670.000	51,00%	867.000.000	8.670.000	51,00%
Công ty Sinh Thái	230.437.848	5.129.226	98,18%	230.437.848	5.129.226	98,18%
Công ty Đại An	98.000.000	4.508.000	98,00%	98.000.000	4.508.000	98,00%
Công ty Cần Giờ	159.372.935	2.175.461	4,89%	159.372.935	2.175.461	4,89%
Công ty Metropolis Hà Nội	(**)	2.000.000	100,00%	(**)	2.000.000	100,00%
Công ty Hoàng Gia	42.905.000	1.454.627	96,85%	42.905.000	1.454.627	96,85%
Công ty GS Củ Chi	32.217.671	1.180.897	98,00%	32.217.671	1.180.897	98,00%
Công ty Thiên Niên Kỳ	(**)	855.960	100,00%	(**)	855.960	100,00%
Công ty Làng Văn	9.146.571	301.921	91,47%	9.146.571	301.921	91,47%
Công ty Tây Tăng Long	(**)	270.000	90,00%	(**)	270.000	90,00%
Công ty ViniTIS	305.000	86.165	61,00%	305.000	86.165	61,00%
Công ty Delta	1.000.000	49.200	1,00%	1.000.000	49.200	1,00%
Công ty Sài Đồng	700.000	7.000	1,00%	700.000	7.000	1,00%
Công ty Vinpearl Landmark 81	160.348.600	1.603.486	99,88%	-	-	-
Công ty Vincom Retail Landmark 81	122.615.300	1.226.152	99,84%	-	-	-
Công ty SV Tây Hà Nội	134.750.000	1.347.500	49%	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>30.865.595</b>			<b>26.688.457</b>	

(\*) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(\*\*) Đây là các công ty trách nhiệm hữu hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.2 Đầu tư góp vốn vào công ty kinh doanh, liên kết**

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022				Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (triệu VND) (*)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (triệu VND) (*)
Công ty cổ phần đầu tư Hiệp Thành Công	2.651.390	49,00%	49,00%	14.700	-	-	-	-
Công ty cổ phần du lịch Cá Tầm	3.102.948	48,67%	48,67%	41.373	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>56.073</b>				<b>-</b>

(\*) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (triệu VND) (*)
Công ty CP PT Đầu tư Kinh doanh Bất động sản SV Tây Hà Nội ("Công ty SV Tây Hà Nội")	-	-	-	7.000.000	4%	4%	70.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long ("Công ty BĐS Thăng Long")	500.000	10%	10%	500.000	10%	10%	13.500
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại Phát Lộc ("Công ty Phát Lộc")	(**)	-	51%	(**)	-	51%	342.909
CT cổ phần kinh doanh Bất động sản S-Vin Việt Nam ("Công ty S-Vin")	34.362.042	9,45%	9,45%	34.362.042	9,45%	9,45%	343.621
Công ty cổ phần kinh doanh bất động sản MV2 Việt Nam ("Công ty MV2")	182.853.450	19,73%	19,73%	95.039.500	10%	10%	950.395
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>1.720.425</b>

(\*) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát cũng như ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Phát Lộc. Do vậy, khoản đầu tư vào Công ty Phát Lộc được trình bày là một khoản đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải trả cho người bán	4.004.733	3.672.489
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.119.819	703.207
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.124.552</b>	<b>4.375.696</b>

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Thanh toán theo các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (i)	531.475	314.855
Trả trước theo các hợp đồng xây dựng	388.425	561.772
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>919.900</b>	<b>876.627</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước ngắn hạn của các bên khác</i>	<i>919.900</i>	<i>876.627</i>

(i) Chủ yếu bao gồm các khoản thanh toán theo tiến độ từ các khách hàng đã ký hợp đồng mua bán bất động sản tại các dự án của Công ty.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>			
	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	383.197	110.187	437.621	55.763
Thuế thu nhập cá nhân	6.548	56.201	58.369	4.380
Thuế giá trị gia tăng	-	48.953	48.953	-
Các loại thuế khác	436	10.249	10.461	224
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>390.181</b>	<b>225.590</b>	<b>555.404</b>	<b>60.367</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi trái phiếu và lãi vay phải trả	111.778	99.101
Trích trước cho các bất động sản đầu tư đã đi vào hoạt động và giá vốn trích trước cho các bất động sản đã bàn giao	481.633	512.648
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới và các chi phí bán hàng khác liên quan đến các căn hộ và biệt thự	194.927	271.636
Chi phí xây dựng trích trước	1.111.860	1.213.546
Các khoản chi phí phải trả khác	83.371	201.037
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.983.569</b>	<b>2.297.968</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên khác</i>	<i>1.976.453</i>	<i>2.297.968</i>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	<i>7.116</i>	<i>-</i>
<b>Dài hạn</b>		
Lãi vay phải trả	1.231.744	1.144.289
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.231.744</b>	<b>1.144.289</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả dài hạn cho các bên khác</i>	<i>1.231.724</i>	<i>1.144.289</i>
<i>Chi phí phải trả dài hạn cho các bên liên quan</i>	<i>20</i>	<i>-</i>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý bất động sản	373.868	450.058
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ cho thuê	23.469	12.579
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>397.337</b>	<b>462.637</b>
<b>Dài hạn</b>		
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý bất động sản	1.022.738	1.006.346
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.022.738</b>	<b>1.006.346</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

*Đơn vị tính: triệu VND*

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận đặt cọc chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	8.002.689	12.503.579
Nhận đặt cọc theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh (ii)	5.167.126	5.167.126
Phải trả theo các hợp đồng đặt cọc và các thỏa thuận có liên quan khác	636.445	701.395
Nhận thanh toán với mục đích chuyển nhượng khoản đầu tư (iii)	561.000	561.000
Kinh phí bảo trì phải trả (iv)	310.406	305.174
Nhận đặt cọc từ đại lý môi giới và khách thuê mặt bằng	206.416	189.362
Các khoản thu hộ phải trả	44.553	77.919
Các khoản phải trả khác	593.743	23.099
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.522.378</b>	<b>19.528.654</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên khác</i>	<i>10.306.397</i>	<i>14.287.816</i>
<i>Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>5.215.981</i>	<i>5.240.838</i>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận đặt cọc chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	7.982.890	-
Nhận đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư (iii)	6.882.044	6.882.044
Các khoản phải trả khác	276	2.276
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.865.210</b>	<b>6.884.320</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên khác</i>	<i>7.983.166</i>	<i>2.276</i>
<i>Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>6.882.044</i>	<i>6.882.044</i>

- (i) Đây là các khoản nhận đặt cọc từ các đối tác để chuyển nhượng một phần các dự án bất động sản do Công ty làm chủ đầu tư.
- (ii) Đây là các khoản đặt cọc từ một số công ty trong cùng Tập đoàn cho Công ty theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh cho mục đích hợp tác đầu tư các cấu phần trung tâm thương mại, khách sạn, trường học thuộc một số Dự án của Công ty.
- (iii) Đây là khoản thanh toán từ một số Công ty con cho mục đích chuyển nhượng một số khoản đầu tư của Công ty.
- (iv) Đây là các khoản kinh phí bảo trì cho các căn hộ đã bàn giao và sẽ được chuyển về cho các Ban Quản trị Tòa nhà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY**

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Đơn vị tính: triệu VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Vay ngắn hạn ngân hàng	419.330	419.330	105.170	105.170	105.170
	<b>419.330</b>	<b>419.330</b>	<b>105.170</b>	<b>105.170</b>	<b>105.170</b>
<b>Nợ dài hạn</b>					
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 21.2)	9.774.405	9.774.405	9.790.629	9.790.629	9.790.629
Vay từ các đối tác (Thuyết minh số 21.1)	3.940.000	3.940.000	3.940.000	3.940.000	3.940.000
Vay từ các bên liên quan	24.577	24.577	-	-	-
	<b>13.738.982</b>	<b>13.738.982</b>	<b>13.730.629</b>	<b>13.730.629</b>	<b>13.730.629</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.158.312</b>	<b>14.158.312</b>	<b>13.835.799</b>	<b>13.835.799</b>	<b>13.835.799</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY** (tiếp theo)

**21.1 Vay từ các đối tác doanh nghiệp**

Chi tiết khoản đi vay từ các đối tác doanh nghiệp:

- ▶ Các khoản đi vay dài hạn từ các đối tác với tổng giá trị 3.940 tỷ VND, chịu lãi suất 9%/năm và đáo hạn vào năm 2023.

**21.2 Trái phiếu phát hành**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Trái phiếu phát hành	9.774.405	9.790.629
<i>Trong đó: Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.774.405</b>	<b>9.790.629</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.2 Trái phiếu phát hành** (tiếp theo)

<u>Đơn vị tư vấn phát hành</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Đáo hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Đơn vị tính: triệu VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	3.334.172	Tháng 05 năm 2023	Lãi suất 9,5%/năm áp dụng cho bốn năm tính lãi đầu tiên. Lãi suất các năm tiếp theo là lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng đồng Việt Nam công biên độ.	(i)
	2.133.000	Tháng 09 năm 2024	Lãi suất 8,8%/năm áp dụng cho bốn năm tính lãi đầu tiên. Lãi suất các năm tiếp theo là lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng đồng Việt Nam công biên độ.	(i)
	2.250.290	Tháng 10 năm 2024	Lãi suất 8,8%/năm áp dụng cho bốn năm tính lãi đầu tiên. Lãi suất các năm tiếp theo là lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng đồng Việt Nam công biên độ.	(i)
	2.056.943	Tháng 11 năm 2026	Lãi suất 9,2%/năm áp dụng cho bốn năm tính lãi đầu tiên. Lãi suất các năm tiếp theo là lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng đồng Việt Nam công biên độ.	(i)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.774.405</b>			

(i) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu này bao gồm một số dự án thương mại dịch vụ và tài sản đảm bảo khác.

**22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Chủ yếu bao gồm khoản dự phòng chi phí sửa chữa các bất động sản để theo điều khoản bảo hành trong các hợp đồng mua bán các bất động sản để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần đã phát hành	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: Triệu VND
						Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2021	33.495.139	(5.549.929)	-	10.000	21.293.690	49.248.900
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	278.032	278.032
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2021	33.495.139	(5.549.929)	-	10.000	21.571.722	49.526.932
<b>Năm này</b>						
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2022	43.543.675	-	965.023	15.000	18.233.968	62.757.666
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	529.420	529.420
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2022	43.543.675	-	965.023	15.000	18.763.388	63.287.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi**

	Đơn vị tính: Cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.354.367.488	4.354.367.488
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.354.367.488	4.354.367.488
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.354.367.488	4.354.367.488
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.354.367.488	4.354.367.488
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.354.367.488	4.354.367.488
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Quý I năm 2022</i>	<i>Quý I năm 2021</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.178.642</b>	<b>4.086.224</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản	230.318	833.777
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ khác	64.217	92.516
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản	499.405	446.402
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ quản lý, tư vấn bán hàng và phát triển dự án	532.080	676.427
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ tổng thầu xây dựng, tư vấn thiết kế và giám sát thi công	1.729.277	1.904.434
Doanh thu từ hoạt động khác	123.345	132.668
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.178.642</b>	<b>4.086.224</b>

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Quý I năm 2022</i>	<i>Quý I năm 2021</i>
Lãi tiền gửi và cho vay	287.393	15.478
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh	524.216	411.935
Thu nhập tài chính khác	334	498
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>811.943</b>	<b>427.911</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Quý I năm 2022</i>	<i>Quý I năm 2021</i>
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	170.972	541.795
Giá vốn cho thuê và cung cấp các dịch vụ liên quan	40.032	63.991
Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản	379.114	366.969
Giá vốn dịch vụ quản lý, tư vấn bán hàng và phát triển dự án	300.907	1.582.720
Giá vốn cung cấp dịch vụ tổng thầu xây dựng, tư vấn thiết kế và giám sát thi công	1.502.846	497.544
Doanh thu hoạt động khác	103.176	90.206
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.497.047</b>	<b>3.143.225</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Quý I năm 2022</i>	<i>Quý I năm 2021</i>
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	357.239	835.049
Chi phí tài chính khác	42	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>357.281</b>	<b>835.049</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Quý I năm 2022</i>	<i>Quý I năm 2021</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí hoa hồng môi giới	10.264	21.424
Chi phí nhân công	1.372	13.137
Chi phí bán hàng khác	1.305	15.355
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.941</b>	<b>49.916</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	27.201	14.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.251	2.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	482.391	105.978
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>511.843</b>	<b>122.960</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty trong năm là 20% thu nhập chịu thuế (năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
	<i>Quý I năm 2022</i>	<i>Quý I năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	111.447	77.380
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(146)	5.117
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>111.301</b>	<b>82.497</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 và tại Ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

*Đơn vị tính: triệu VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b> (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Thái Sơn	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần phải thu	2.179.482	2.444.482
		Phải thu từ dịch vụ quản lý, tư vấn bán hàng, hoa hồng môi giới và các dịch vụ khác	503.034	533.492
Công ty Thành phố Xanh	Công ty con	Phải thu từ dịch vụ quản lý, tư vấn bán hàng và các dịch vụ khác	259.218	226.783
Công Ty Thiên Niên Kỳ	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần phải thu	4.167.233	7.089.233
Công ty Sinh Thái	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần phải thu	4.514.233	7.089.233
Công ty Vinchool	Công ty trong cùng Tập đoàn	Phải thu từ doanh thu chia sẻ dịch vụ giáo dục	272.648	233.267
Công ty Đô Thị Gia Lâm	Công ty con	Phải thu từ dịch vụ quản lý, phát triển dự án, tư vấn bán hàng và hoa hồng môi giới	470.816	410.845
Các công ty khác trong cùng Tập đoàn		Phải thu khác	554.118	815.588
			<b>12.920.782</b>	<b>18.842.923</b>

***Phải thu về cho vay ngắn hạn*** (Thuyết minh số 7)

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2022:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số dư vay triệu VND</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Công ty SV Tây Hà Nội	Công ty con	3.950.000	9%	Năm 2023	Không có
Công ty Metropolis	Công ty con	4.824.000	9%	Năm 2023	Không có
Công ty Thiên Niên Kỳ	Công ty con	2.359.136	9%	Năm 2023	Không có
Công ty Thành phố xanh	Công ty con	1.395.500	9%	Năm 2023	Không có
Công ty Sài Đồng	Công ty con	378.000	9%	Năm 2023	Không có
Công ty Đại An	Công ty con	528.000	9%	Năm 2023	Không có
Công ty GS Củ Chi	Công ty con	631.000	9%	Năm 2023	Không có
Công ty Bảo Lai	Công ty con	408.450	9%	Năm 2023	(i)
		<b>14.474.086</b>			

(i) Khoản cho vay này được đảm bảo bằng tài sản của một số công ty con



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau: (tiếp theo)

*Đơn vị tính: triệu VND*

**Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Công ty mẹ	Góp vốn hợp tác đầu tư và kinh doanh	410.230	410.230
		Phải thu từ chia sẻ lợi nhuận hợp tác đầu tư và kinh doanh	79.584	129.592
Công ty Vincom Retail	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tài sản hợp tác đầu tư	805.082	2.047.654
		Phải thu từ chia sẻ lợi nhuận hợp tác đầu tư và kinh doanh	79.786	70.237
Công ty Vinpearl	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tài sản hợp tác đầu tư	357.152	1.958.804
Công ty Vinschool	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tài sản hợp tác đầu tư	602.750	609.087
Công ty Thái Sơn	Công ty con	Góp vốn hợp tác đầu tư và kinh doanh	3.349.114	3.349.114
Công ty Thành phố xanh	Công ty con	Phải thu khác	-	3.968.168
		Góp vốn hợp tác đầu tư và kinh doanh	8.417.299	8.417.299
		Phải thu từ chia sẻ lợi nhuận hợp tác đầu tư và kinh doanh	5.204.361	5.103.723
Các công ty khác trong cùng Tập đoàn		Phải thu khác	554.990	161.080
			<b>19.860.348</b>	<b>26.224.988</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 và tại Ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: triệu VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
<b>Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh số 11)</b>				
Công ty Vinpearl	Công ty trong cùng Tập đoàn	Đặt cọc cho mục đích đầu tư và mua cổ phần	3.950.000	3.950.000
Các công ty khác trong cùng Tập đoàn		Đặt cọc cho mục đích đầu tư và mua cổ phần	199.700	199.700
			<b>4.149.700</b>	<b>4.149.700</b>
<b>Tài sản dài hạn khác (Thuyết minh số 11)</b>				
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Công ty mẹ	Góp vốn hợp tác đầu tư và kinh doanh	5.651.234	1.001.991
			<b>5.651.234</b>	<b>1.001.991</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)</b>				
Công ty CP Nghiên cứu và Sản xuất Vinsmart Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi phí mua hàng phải trả	205.777	355.803
	Công ty mẹ	Phí dịch vụ quản lý phải trả	164.988	-
		Chi phí mua hàng phải trả	388.358	-
Các công ty khác trong cùng Tập đoàn		Phải trả phí dịch vụ	360.696	347.404
			<b>1.119.819</b>	<b>703.207</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau: (tiếp theo)

*Đơn vị tính: triệu VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)</b>				
Công ty Vinpearl	Công ty trong cùng Tập đoàn	Nhận đặt cọc hợp đồng hợp tác đầu tư	2.199.807	2.199.807
Công ty Vincom Retail	Công ty trong cùng Tập đoàn	Nhận đặt cọc hợp đồng hợp tác đầu tư	2.252.119	2.252.119
Công ty Vinschool	Công ty trong cùng Tập đoàn	Nhận đặt cọc hợp đồng hợp tác đầu tư	715.200	715.200
Các công ty khác trong cùng Tập đoàn		Phải trả khác	48.855	73.712
			<b>5.215.981</b>	<b>5.240.838</b>

**Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 20)**

Công ty TTTC Berjaya	Công ty con	Nhận đặt cọc cho mục đích chuyển nhượng cổ phần	1.752.818	1.752.818
Công ty ĐTĐH Berjaya	Công ty con	Nhận đặt cọc cho mục đích chuyển nhượng cổ phần	5.129.226	5.129.226
			<b>6.882.044</b>	<b>6.882.044</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Ngày 31 tháng 03 năm 2022 và giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thị Lan  
Người lập



Lê Tiên Công  
Kế toán trưởng



Hieu Hoa  
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2022

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ 1 NĂM 2022**

- Kính gửi :**
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ theo khoản 4, điều 11, chương III, Thông tư 155/2015/TT-BTC, ban hành ngày 06/10/2015 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vinhomes (“Công ty Vinhomes”) xin được giải trình trường hợp lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước:

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2021	Tăng/(giảm)	%	Giải thích
Lợi nhuận sau thuế TNDN Báo cáo tài chính hợp nhất	4.724.937	5.477.762	(752.825)	-14%	(i)
Lợi nhuận sau thuế TNDN Báo cáo tài chính riêng	529.420	278.032	251.388	90%	(ii)

(i) Lợi nhuận sau thuế TNDN theo báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2022 giảm 753 tỷ đồng, tương ứng giảm 14% so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do các nguyên nhân sau đây:

- Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm hơn 2.346 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giảm lợi nhuận gộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản.
- Thu nhập từ hoạt động tài chính tăng hơn 1.522 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư.

(ii) Lợi nhuận sau thuế TNDN theo báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2022 tăng 251 tỷ đồng, tương ứng tăng 90% so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do các nguyên nhân sau đây:

- Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 261 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giảm lợi nhuận gộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản.
- Thu nhập từ hoạt động tài chính tăng 384 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng thu nhập từ lãi tiền gửi và cho vay.
- Chi phí từ hoạt động tài chính giảm 478 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giảm chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 389 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

  
 Phạm Thiều Hoa  
 Tổng Giám đốc



2